

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU  
ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC TRONG NĂM HỌC VÀ DỰ KIẾN TRONG 2 NĂM HỌC TIẾP THEO

(Số liệu công khai trong năm học và dự kiến trong 2 năm học tiếp theo theo quy định tại khoản 2 điều 5 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

| TT | Các khoản thu                                                                                                          | Đơn vị tính     | Năm học 2024 - 2025 | Năm học 2025 - 2026 | Năm học 2026 - 2027 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| A  | B                                                                                                                      | C               | 1                   | 2                   | 3                   |
| I  | Các khoản thu dịch vụ giáo dục                                                                                         |                 |                     |                     |                     |
| 1  | Học phí, lệ phí                                                                                                        | đồng/hs/tháng   | -                   | -                   | -                   |
| 2  | Dịch vụ tiền ăn của học sinh                                                                                           | đồng/hs/tháng   | 30.000              | 33.000              | 35.000              |
| 3  | Dịch vụ chăm sóc bán trú                                                                                               | đồng/hs/tháng   | 235.000             | 235.000             | 235.000             |
| 4  | Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú                                                                                 | đồng/hs/năm học | 133.000             | 133.000             | 133.000             |
| 5  | Dịch vụ nước uống học sinh                                                                                             | đồng/hs/tháng   | 16.000              | 16.000              | 16.000              |
| 6  | Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (do nhà trường thực hiện phối hợp với Công ty DV và công nghệ DHT)             | đồng/hs/giờ dạy | 15.000              | 15.000              | 15.000              |
| 7  | Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa (do nhà trường thực hiện) | đồng/hs/giờ dạy | 15.000              | 15.000              | 15.000              |
| 8  | Dịch vụ trông giữ sau giờ chính khóa                                                                                   | đồng/hs/giờ     | 12.000              | 12.000              | 12.000              |
| II | Các khoản thu theo thỏa thuận                                                                                          |                 |                     |                     |                     |
| 1  | Tiếng Anh làm quen, bổ trợ                                                                                             |                 |                     |                     |                     |

| TT | Các khoản thu                | Đơn vị tính | Năm học 2024 - 2025 | Năm học 2025 - 2026 | Năm học 2026 - 2027 |
|----|------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|---------------------|
|    | Khối 1,2,3                   | đ/hs/tháng  | 150.000             | 150.000             | 150.000             |
|    | Khối 4,5                     | đ/hs/tháng  | 120.000             | 120.000             | 120.000             |
| 2  | CLB Aerobic                  | đ/hs/tháng  | 60.000              | 60.000              | 60.000              |
| 4  | CLB Tiếng Anh - Toán         | đ/hs/tháng  | 100.000             | 100.000             | 100.000             |
| 5  | CLB STEM                     | đ/hs/tháng  | 160.000             | 160.000             | 160.000             |
| 6  | Sổ liên lạc điện tử Enetviet | đ/hs/tháng  | 15.000              | 15.000              | 15.000              |

**Trên đây là số liệu công khai các khoản thu và mức thu trong năm học và dự kiến trong 2 năm học tiếp theo của trường Tiểu học Kim Đồng theo quy định tại khoản 2 điều 5 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo.**